PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1073/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2011 - 2015

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 57/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về thương mại điện tử;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2011 - 2015 với mục tiêu và nội dung chủ yếu sau:

A. MỤC TIÊU

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Thương mại điện tử được sử dụng phổ biến và đạt mức tiên tiến trong các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), góp phần nâng cao năng lực

cạnh tranh của doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Các mục tiêu cụ thể cần đạt được vào năm 2015:

1. Tất cả doanh nghiệp lớn tiến hành giao dịch thương mại điện tử loại hình doanh nghiệp với doanh nghiệp, trong đó:

a) 100% doanh nghiệp sử dụng thường xuyên thư điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

b) 80% doanh nghiệp có trang thông tin điện tử, cập nhật thường xuyên thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp;

c) 70% doanh nghiệp tham gia các trang thông tin điện tử bán hàng (gọi tắt là website thương mại điện tử) để mua bán các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

d) 5% doanh nghiệp tham gia các mạng kinh doanh điện tử theo mô hình trao đổi chứng từ điện tử dựa trên chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử;

đ) 20% doanh nghiệp ứng dụng các phần mềm chuyên dụng trong hoạt động quản lý sản xuất và kinh doanh;

e) Hình thành một số sở giao dịch hàng hóa trực tuyến đối với những sản phẩm sản xuất tại Việt Nam chiếm tỷ trọng cao trên thị trường thế giới;

g) Hình thành một số doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử lớn có uy tín trong nước và khu vực.

2. Tất cả doanh nghiệp nhỏ và vừa tiến hành giao dịch thương mại điện tử loại hình doanh nghiệp với người tiêu dùng hoặc doanh nghiệp với doanh nghiệp, trong đó:

a) 100% doanh nghiệp sử dụng thư điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

b) 45% doanh nghiệp có trang thông tin điện tử, cập nhật định kỳ thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp;

c) 30% doanh nghiệp tham gia các website thương mại điện tử để mua bán các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Bước đầu hình thành các tiện ích hỗ trợ người tiêu dùng tham gia thương mại điện tử loại hình doanh nghiệp với người tiêu dùng, trong đó:

a) 70% các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại cho phép người tiêu dùng thanh toán không dùng tiền mặt khi mua hàng;

b) 50% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông chấp nhận thanh toán phí dịch vụ của các hộ gia đình qua phương tiện điện tử;

c) 30% cơ sở kinh doanh trong các lĩnh vực thương mại dịch vụ như vận tải, văn hóa, thể thao và du lịch phát triển các kênh giao dịch điện tử phục vụ người tiêu dùng.

4. Phần lớn dịch vụ công liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh được cung cấp trực tuyến, trong đó:

a) Cung cấp trực tuyến từ mức độ 3 trở lên 80% dịch vụ công liên quan tới xuất nhập khẩu trước năm 2013, 40% đạt mức 4 vào năm 2015;

b) Cung cấp trực tuyến từ mức độ 3 trở lên dịch vụ thủ tục hải quan điện tử trước năm 2013;

c) Cung cấp trực tuyến từ mức độ 3 trở lên các dịch vụ liên quan tới thuế, bao gồm khai nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân trước năm 2013;

d) Cung cấp trực tuyến từ mức độ 3 trở lên các thủ tục đăng ký kinh doanh và đầu tư trước năm 2013, bao gồm thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cấp giấy chứng nhận đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;

đ) Cung cấp trực tuyến từ mức độ 3 trở lên 50% các dịch vụ công liên quan tới thương mại và hoạt động sản xuất kinh doanh trước năm 2014, đến hết năm 2015 có 20% đạt mức độ 4.

B. NỘI DUNG

I. HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Rà soát, bổ sung, sửa đổi và ban hành mới các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật để hỗ trợ, tạo điều kiện cho sự phát triển của thương mại điện tử và phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết quốc tế của Việt Nam.

1. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới việc thừa nhận giá trị pháp lý của chứng từ điện tử:

a) Văn bản quy phạm pháp luật thừa nhận giá trị pháp lý của hóa đơn, chứng từ kế toán ở dạng chứng từ điện tử khi đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ thuế và kế toán khi triển khai hoạt động mua, bán trực tuyến hàng hóa hoặc dịch vụ;

b) Văn bản quy phạm pháp luật thừa nhận giá trị pháp lý của hồ sơ, đơn, giấy xác nhận ở dạng chứng từ điện tử khi đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể để hỗ trợ thực hiện một phần hoặc toàn bộ quy trình đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư, đấu thầu mua sắm qua các phương tiện điện tử;

c) Văn bản quy phạm pháp luật thừa nhận giá trị pháp lý của chứng từ hợp đồng mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ, các loại giấy phép hay chứng nhận khác ở dạng chứng từ điện tử khi đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể để thuận lợi hóa thương mại quốc tế và triển khai thương mại không giấy tờ (paperless trading).

2. Văn bản quy phạm pháp luật quy định kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử là một ngành, nghề kinh doanh có mã đăng ký riêng.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật về thuế:

a) Các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật ưu đãi về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp để tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử và khuyến khích người tiêu dùng mua bán trực tuyến;

b) Các quy định về mã sản phẩm và trị giá tính thuế hải quan đối với xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm số hóa phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết quốc tế của Việt Nam.

4. Văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng: các quy định bảo vệ người tiêu dùng và bảo đảm cho người tiêu dùng khi tham gia giao dịch thương mại điện tử được bảo vệ về mặt luật pháp theo chuẩn mực quốc tế như trong giao dịch thương mại truyền thống.

5. Văn bản quy phạm pháp luật về quản lý website thương mại điện tử: các quy định về đăng ký, quản lý website thương mại điện tử trên cơ sở tạo lập môi trường kinh doanh minh bạch, cạnh tranh.

6. Văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thông tin:

a) Văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thông tin trong giao dịch thương mại điện tử;

b) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với các bên tham gia giao dịch thương mại điện tử phù hợp với quy mô giao dịch và chuẩn mực quốc gia và quốc tế;

c) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về bảo vệ thông tin cá nhân phù hợp pháp luật liên quan, đảm bảo thông tin cá nhân trong giao dịch thương mại điện tử được bảo vệ về mặt luật pháp theo chuẩn mực quốc tế và các cam kết quốc tế của Việt Nam.

7. Văn bản quy phạm pháp luật về giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật trong thương mại điện tử:

a) Văn bản quy phạm pháp luật quy định giá trị pháp lý làm chứng cứ của chứng từ điện tử;

b) Văn bản quy phạm pháp luật về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong hoạt động thương mại điện tử, bao gồm cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến;

c) Chế tài đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thương mại điện tử; thẩm quyền và cơ chế thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính về thương mại điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử;

d) Các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ cao và trong thương mại điện tử vào Bộ Luật Hình sự.

8. Các văn bản quy phạm pháp luật khác:

a) Văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ phù hợp thông lệ quốc tế và tạo thuận lợi cho sự phát triển của thương mại điện tử;

b) Văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các đối tượng phát sinh trong hoạt động thương mại điện tử;

c) Các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật khuyến khích các hoạt động kinh doanh dịch vụ trực tuyến;

d) Các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật để triển khai các mô hình thanh toán trực tuyến.

II. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về lợi ích của thương mại điện tử:

a) Xây dựng các chương trình tập huấn cán bộ quản lý kinh tế ở Trung ương và địa phương và các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về thương mại điện tử;

b) Phổ biến, tuyên truyền về lợi ích và kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử cho các doanh nghiệp, người tiêu dùng các ngành sản xuất và dịch vụ chính; quảng bá các doanh nghiệp điển hình thành công trong ứng dụng và cung cấp dịch vụ thương mại điện tử.

2. Đẩy mạnh đào tạo chính quy về thương mại điện tử:

a) Ban hành chương trình khung về đào tạo thương mại điện tử trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp; tăng cường giảng dạy kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử trong các trường dạy nghề;

b) Ứng dụng đào tạo trực tuyến trong hoạt động đào tạo thương mại điện tử theo hướng khuyến khích các tổ chức đầu tư, phát triển công nghệ đào tạo trực tuyến, hỗ trợ các trường đại học và doanh nghiệp liên kết trong việc thiết kế nội dung, giáo trình đào tạo trực tuyến. Hỗ trợ về vốn và các ưu đãi về thuế nhằm đẩy nhanh hình thức đào tạo trực tuyến.

III. CUNG CẤP TRỰC TUYẾN CÁC DỊCH VỤ CÔNG LIÊN QUAN TỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đẩy mạnh cung cấp trực tuyến các dịch vụ công liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng các cam kết quốc tế về thương mại không giấy tờ trong các lĩnh vực:

1. Thuế, hải quan, xuất nhập khẩu, đầu tư, đăng ký kinh doanh và các dịch vụ công khác liên quan trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Cung cấp trực tuyến thông tin về thị trường nước ngoài bằng tiếng Việt cho các doanh nghiệp Việt Nam và thông tin về thị trường Việt Nam cho các doanh nghiệp nước ngoài bằng tiếng Anh và một số tiếng nước ngoài phổ biến khác.

3. Trao đổi các chứng từ điện tử liên quan tới hoạt động quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ với nước ngoài.

4. Cung cấp thông tin về các dự án sử dụng vốn nhà nước, thông tin về đấu thầu trong mua sắm chính phủ và từng bước tiến hành đấu thầu mua sắm chính phủ trực tuyến:

a) Trước năm 2012, tất cả các cơ quan nhà nước từ Trung ương tới địa phương cung cấp thông tin về các dự án sử dụng vốn nhà nước, thông tin về đấu thầu trong mua sắm chính phủ lên trang thông tin điện tử của mình hoặc của cơ quan chức năng;

b) Đến hết năm 2015, tất cả kế hoạch đấu thầu, thông báo mời thầu, kết quả đấu thầu, danh sách nhà thầu tham gia được đăng tải trên mạng đấu thầu quốc gia; khoảng 20% số gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp và dịch vụ tư vấn sử dụng vốn nhà nước được thực hiện qua mạng; thí điểm hình thức mua sắm chính phủ tập trung trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

5. Công khai thông tin liên quan tới doanh nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Công khai và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận các thông tin liên quan tới doanh nghiệp, bao gồm cơ sở dữ liệu về đăng ký thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu về thuế; cơ sở dữ liệu về quản lý xuất nhập khẩu như khai hải quan, chứng nhận xuất xứ, cấp phép nhập khẩu; cơ sở dữ liệu về quản lý thị trường và quản lý cạnh tranh;

b) Kết nối trực tuyến các cơ sở dữ liệu liên quan tới doanh nghiệp giữa Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương và các Bộ, ngành khác trước năm 2015.

IV. PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ, DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Ban hành các chính sách, biện pháp khuyến khích đầu tư phát triển và chuyển giao công nghệ hỗ trợ thương mại điện tử:

a) Chính sách khuyến khích doanh nghiệp sử dụng phần mềm mã nguồn mở khi triển khai các ứng dụng thương mại điện tử;

b) Chính sách và giải pháp khuyến khích người tiêu dùng mua bán trực tuyến các sản phẩm số hóa; thúc đẩy phát triển thương mại điện tử và công nghiệp nội dung số;

c) Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ cho thuê thiết bị tính toán, phần mềm và các dịch vụ công nghệ thông tin và viễn thông khác;

d) Khuyến khích phát triển hoạt động thương mại dựa trên công nghệ di động (mobile commerce), các dịch vụ số hóa cung cấp thông qua các thiết bị đầu cuối di động (điện thoại di động, thiết bị dữ liệu cá nhân PDA, thiết bị vi tính bỏ túi pocket PC, v.v...);

đ) Khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển thanh toán trực tuyến; khuyến khích các doanh nghiệp phát triển các tiện ích thanh toán qua phương tiện điện tử hỗ trợ người mua hàng.

2. Phát triển các dịch vụ tích hợp dựa trên công nghệ tiên tiến:

a) Khuyến khích cung cấp trên cơ sở thương mại các dịch vụ dựa vào Hệ thống thông tin địa lý (GIS), Hệ thống định vị toàn cầu (GPS);

b) Nghiên cứu, phát triển và chuyển giao các công nghệ được sử dụng nhiều trong hoạt động thương mại (công nghệ nhận dạng theo tần số radio RFID, mã số mã vạch, thẻ thông minh, v.v...).

3. Ban hành và phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn sử dụng trong thương mại điện tử:

a) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử ứng dụng trong thương mại điện tử tới các doanh nghiệp và các tổ chức đào tạo về thương mại điện tử;

b) Hỗ trợ thí điểm một số doanh nghiệp ứng dụng chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo mạng kinh doanh điện tử giữa các doanh nghiệp này và nhân rộng mô hình mạng kinh doanh điện tử tới nhiều doanh nghiệp.

4. Phát triển các hoạt động thương mại dựa trên công nghệ thẻ trong các dịch vụ giao thông công cộng, phân phối, văn hóa, thể thao, giải trí, du lịch.

5. Triển khai các hoạt động về an toàn thông tin trong giao dịch thương mại điện tử theo các mục tiêu, giải pháp trong Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia.

a) Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của an toàn thông tin, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia giao dịch thương mại điện tử trong việc đảm bảo an toàn thông tin, lợi ích của việc sử dụng chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động thương mại điện tử;

b) Phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng để đến năm 2015 có một số tổ chức của Việt Nam được các tổ chức chứng thực chữ ký số có uy tín của nước ngoài thừa nhận;

c) Phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực cho website thương mại điện tử; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân ứng dụng các công nghệ bảo mật tiên tiến để thông tin trao đổi trên môi trường mạng máy tính được đảm bảo an toàn;

d) Đẩy mạnh hoạt động cấp chứng nhận website thương mại điện tử uy tín để đến năm 2015, có ít nhất 5% website thương mại điện tử được cấp chứng nhận website thương mại điện tử uy tín; phổ biến lợi ích của hoạt động này đối với các

doanh nghiệp và người tiêu dùng; khuyến khích các tổ chức cấp chứng nhận website thương mại điện tử uy tín hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với các tổ chức cấp chứng nhận website thương mại điện tử uy tín của nước ngoài và thừa nhận lẫn nhau về nhãn tín nhiệm (trustmark).

V. NÂNG CAO HIỆU QUẢ VÀ NĂNG LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thương mại điện tử tại các địa phương:

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo cơ quan chức năng tăng cường quản lý nhà nước về thương mại điện tử; chủ động tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp tại địa phương ứng dụng thương mại điện tử; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động quảng bá, tiếp thị, giới thiệu sản phẩm, tham gia giao dịch trực tuyến, đổi mới phương thức kinh doanh, cải tiến quy trình quản lý.

2. Xây dựng lực lượng cán bộ có chuyên môn đáp ứng được công tác quản lý nhà nước về thương mại điện tử ở Trung ương và địa phương. Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, nâng cao kiến thức và có kế hoạch đào tạo chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách thương mại điện tử cấp Sở; tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm từ các quốc gia tiên tiến về thương mại điện tử, liên kết hợp tác trong các chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

3. Xây dựng cơ chế, bộ máy phù hợp để giải quyết kịp thời những tranh chấp và vấn đề phát sinh trong thương mại điện tử; nâng cao năng lực của bộ máy thực thi pháp luật để xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong thương mại điện tử.

a) Hỗ trợ các tổ chức cung cấp dịch vụ cấp chứng nhận website thương mại điện tử uy tín xây dựng quy trình, bộ máy giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật hiện hành và thông lệ quốc tế;

b) Khuyến khích Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam và các tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia các hình thức giải quyết tranh chấp trên cơ sở hòa giải và tuân thủ pháp luật, nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng;

c) Nâng cao năng lực của Trọng tài thương mại;

d) Thành lập Tổ chức thanh tra chuyên ngành về thương mại điện tử;

đ) Đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ thuộc các ngành công an, tòa án, kiểm sát để xử lý đúng pháp luật các hành vi vi phạm trong hoạt động thương mại điện tử.

4. Triển khai hoạt động thống kê về thương mại điện tử và các hoạt động hỗ trợ thương mại điện tử:

a) Trước năm 2012 ban hành các tiêu chí, phương pháp thống kê thương mại điện tử theo đúng quy định tại Luật Thống kê. Kiện toàn bộ máy tổ chức từ Trung ương tới địa phương để triển khai hoạt động thống kê về thương mại điện tử;

b) Từ năm 2012 công bố Sách trắng về thương mại điện tử Việt Nam với các số liệu thống kê tình hình triển khai ứng dụng thương mại điện tử trên toàn quốc, nhằm hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động kinh doanh và hội nhập quốc tế về thương mại điện tử;

c) Hỗ trợ Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam và các tổ chức xã hội nghề nghiệp xây dựng chỉ số sẵn sàng ứng dụng thương mại điện tử theo doanh nghiệp và địa phương, xếp hạng website thương mại điện tử.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế về thương mại điện tử:

a) Chủ động tham gia hợp tác quốc tế về thương mại điện tử và các lĩnh vực liên quan với các tổ chức kinh tế thương mại quốc tế và khu vực, các tổ chức thương mại của Liên Hiệp quốc, các tổ chức thương mại đa phương, song phương và các đối tác thương mại khác;

b) Khuyến khích các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp hợp tác với các đối tác nước ngoài tạo môi trường phát triển thương mại điện tử quốc tế, tăng cường hoạt động kinh doanh trực tuyến qua biên giới và chuyển giao công nghệ.

6. Đẩy mạnh hoạt động xây dựng chính sách, chương trình, dự án tổng thể hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp hiện diện trên môi trường Internet, xây dựng thương hiệu trực tuyến, triển khai hoạt động tiếp thị điện tử… nhằm giúp doanh nghiệp thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh, ứng dụng cách thức quản lý và điều hành tiên tiến.

7. Xây dựng giải thưởng quốc gia về thương mại điện tử, đưa tiêu chí phát triển thương mại điện tử vào chỉ tiêu đánh giá xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của các địa phương.

8. Đảm bảo tính đồng bộ và liên thông thông tin giữa các Bộ, ngành trong các hoạt động quản lý nhà nước liên quan đến doanh nghiệp, tiến tới hình thành các cơ sở dữ liệu quốc gia dùng chung cho các lĩnh vực hải quan, thuế, quản lý doanh nghiệp, quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, tài chính tín dụng, thống kê. Chia sẻ thông tin về tài nguyên Internet giữa Bộ Thông tin và Truyền thông với Bộ Công thương nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các website thương mại điện tử.

C. KINH PHÍ THỰC HIỆN

I. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TỔNG THỂ ĐƯỢC ĐẢM BẢO TỪ CÁC NGUỒN: VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, VỐN DOANH NGHIỆP, VỐN VAY TỪ CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG, TÀI TRỢ QUỐC TẾ VÀ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG HỢP PHÁP KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

II. ĐỐI VỚI NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN THEO PHÂN CẤP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HIỆN HÀNH, CỤ THỂ NHƯ SAU

1. Các dự án, nhiệm vụ thuộc phạm vi chi của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ do ngân sách trung ương đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của cơ quan.

2. Các dự án, nhiệm vụ thuộc phạm vi chi của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do ngân sách địa phương đảm bảo và được bố trí trong ngân sách hàng năm của địa phương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử được tổ chức thực hiện gắn kết và đồng bộ với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các lĩnh vực thuộc ngành công thương và các ngành kinh tế, đặc biệt là lĩnh vực xuất khẩu, phân phối và các ngành dịch vụ khác; các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông; các chương trình cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

2. Căn cứ Kế hoạch tổng thể này, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Xây dựng và tổ chức thẩm định, phê duyệt, bố trí ngân sách theo phân cấp hiện hành để triển khai kế hoạch phát triển thương mại điện tử của Bộ, cơ quan, địa phương mình giai đoạn 2011 - 2015; hàng năm gửi Bộ Công thương trước ngày 31 tháng 12 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

b) Kiểm tra, đánh giá và báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất tình hình thực hiện Kế hoạch tổng thể này theo hướng dẫn và yêu cầu của Bộ Công thương để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ Công thương có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này, hàng năm tổng hợp tình hình triển khai và đề xuất các giải pháp vượt thẩm quyền trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, tổng kết tình hình thực hiện vào năm kết thúc Kế hoạch tổng thể;

b) Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu theo hướng thừa nhận giá trị pháp lý của các chứng từ điện tử; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết các quy định trong pháp luật bảo vệ người tiêu dùng và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan nhằm bảo vệ người tiêu dùng tham gia thương mại điện tử;

c) Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan tới việc đăng ký, quản lý website thương mại điện tử; các chính sách và văn bản quy phạm pháp luật nhằm khuyến khích các hoạt động kinh doanh dịch vụ trực tuyến;

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất ban hành các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh những đối tượng mới phát sinh trong hoạt động thương mại điện tử;

đ) Đẩy mạnh cung cấp trực tuyến từ mức độ 3 trở lên các thủ tục liên quan tới xuất nhập khẩu và những dịch vụ công khác liên quan tới thương mại;

e) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam và các tổ chức xã hội nghề nghiệp triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về thương mại điện tử; nghiên cứu xây dựng các mô hình thương mại điện tử và khuyến khích doanh nghiệp tham gia.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Bộ Công thương triển khai đồng bộ Kế hoạch này với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, gắn kết sự phát triển của thương mại điện tử với Chính phủ điện tử;

b) Ban hành các chính sách, biện pháp khuyến khích đầu tư phát triển và chuyển giao công nghệ hỗ trợ thương mại điện tử;

c) Đẩy mạnh việc triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số và triển khai dịch vụ chứng thực cho website thương mại điện tử;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Bộ Công an thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin trong giao dịch thương mại điện tử.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương bố trí vốn đầu tư phát triển hàng năm cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để thực hiện các dự án, nhiệm vụ thuộc Kế hoạch tổng thể; gửi Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực đầu tư, đăng ký kinh doanh theo hướng thừa nhận giá trị pháp lý của các hồ sơ ở dạng chứng từ điện tử;

c) Đẩy mạnh cung cấp trực tuyến từ mức độ 3 trở lên các thủ tục đăng ký kinh doanh và đầu tư cũng như các thủ tục khác liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

d) Rà soát, sửa đổi, bổ sung danh mục ngành, nghề kinh doanh sử dụng trong đăng ký kinh doanh các loại hình kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử;

đ) Chủ trì triển khai dự án ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ; hoàn thiện khung pháp lý về đấu thầu trực tuyến và phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai hoạt động đấu thầu trực tuyến trong mua sắm chính phủ.

6. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương bố trí kinh phí thường xuyên hàng năm cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để thực hiện các dự án, nhiệm vụ thuộc Kế hoạch tổng thể; tổng hợp chung trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài chính theo hướng thừa nhận giá trị pháp lý của hóa đơn, chứng từ kế toán ở dạng chứng từ điện tử;

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về thuế theo hướng tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử và khuyến khích người tiêu dùng mua bán trực tuyến;

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về mã sản phẩm và trị giá tính thuế hải quan đối với xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm số hóa phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết quốc tế của Việt Nam;

đ) Đẩy mạnh cung cấp trực tuyến từ mức độ 3 trở lên các dịch vụ hải quan, thuế và các thủ tục liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành chương trình khung về đào tạo thương mại điện tử trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp; có chính sách khuyến khích đào tạo chính quy về thương mại điện tử tại các trường đại học, cao đẳng, gắn kết hoạt động đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hoàng Trung Hải

CÔNG BÁO Nước CHXHCN Việt Nam là ấn phẩm chính thức của Nhà nước dùng để công bố tất cả văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do các cơ quan nhà nước ban hành. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hiện hành quy định rõ: "Chỉ các văn bản công bố trên Công báo mới có giá trị như bản gốc và được sử dụng trong mọi quan hệ, giao dịch chính thức. Văn bản đăng trên các ấn phẩm khác chỉ có giá trị tham khảo".

Công báo xuất bản ở Trung ương gồm các số Công báo thường kỳ và Mục lục Công báo tháng, quý, năm. Công báo được phát hành trong phạm vi toàn quốc do Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm xuất bản và in tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng.

Công báo in trên giấy có kích thước 20,5 cm x 29 cm. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước CHXHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ. Công báo được cấp miễn phí cho các Tủ sách pháp luật và Điểm Bưu điện - Văn hóa xã, phường, thị trấn trong toàn quốc.

Giá Công báo là 5.000đ/số (bao gồm cả phí phát hành). Việc mua Công báo thông qua cơ quan Công báo Trung ương hoặc các đại lý phát hành báo chí trong toàn quốc. Lịch đặt mua Công báo vào ngày 25 hàng tháng tại cơ quan Công báo, Văn phòng Chính phủ.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng